

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2025/DS-ST

Ngày: 23 - 12 - 2025

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lý

2. Ông Cao Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang - *Kiểm sát viên.*

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 927/2025/QĐST-DS ngày 24/11/2025 giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tôn Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố C, phường H, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu phố C, phường H, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố C, phường H, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày tại phiên toà: Ngày 11/7/2008, bà Nguyễn Thị B có vay của bà số tiền 32.300.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Sau đó, bà B đã trả dần cho bà được 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Nay bà xác định bà B chỉ còn nợ bà số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Bà B có viết và ký vào giấy mượn tiền cho bà nhưng tại giấy mượn nợ không quy định thời hạn vay và lãi suất vì bà B xin trả dần. Bà xác định tiền cho bà B mượn là tiền chung của vợ chồng bà. Qua nhiều lần đòi nợ nhưng bà B trốn tránh không trả, nay bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà B trả cho bà số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); bà L không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2015, bà có chơi hội do bà L làm chủ hội. Bà xác định bà chỉ hốt hội trước rồi trả dần chứ không mượn tiền của bà L và ông T. Đến nay, hiện bà chỉ còn nợ tiền hội khoảng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và không viết hay ký vào giấy mượn tiền nào cho bà L. Nay bà L yêu cầu bà trả số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) thì bà không đồng ý. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Vào ngày 11/7/2008, tại nhà của tôi thì tôi và vợ tôi là bà Tôn Thị L có cho bà B mượn số tiền 32.300.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Sau đó, bà B đã trả dần cho ông bà được 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Nay ông xác định bà B chỉ còn nợ ông bà số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Bà B có viết và ký vào giấy mượn nợ cho ông bà nhưng tại giấy mượn tiền không quy định thời hạn vay và lãi suất vì bà B xin trả dần. Ông xác định tiền cho bà B mượn là tiền chung của vợ chồng ông và ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà B trả cho ông bà số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); ông bà không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc xử lý đơn chưa đúng thời hạn quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định rằng bà Nguyễn Thị B trình bày cho rằng chữ viết, chữ ký tại giấy mượn tiền không phải của bà nhưng bà không có yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký dù Toà án đã có thông báo về việc giải thích, hướng dẫn yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Thị L, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Tôn

Thị L và ông Lê Văn T số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa bà Tôn Thị L và bà Nguyễn Thị B do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố C, phường H, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Nguyễn Thị B, tuy nhiên bà B vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà B, ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn bà Tôn Thị L cung cấp; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T: Trong giấy mượn tiền không thể hiện thời gian trả nợ, không thể hiện lãi suất, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Tại giấy mượn tiền ngày 11/7/2008 có ghi “Tôi viết giấy này để mượn của vợ chồng ông Lê Văn T và bà Tôn Thị L số tiền 32.300.000 đồng”, sau đó bà B đã trả dần cho bà L được số tiền 6.800.000 đồng, bà B còn nợ 25.500.000 đồng nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bà B trả tiền cho ông T, bà L.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà B cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 2015, bà có chơi hụi do bà L làm chủ hụi. Bà xác định bà chỉ hốt hụi trước

rồi trả dần chứ không mượn tiền của bà L và ông T. Đến nay, hiện bà chỉ còn nợ tiền hui khoảng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và không viết hay ký vào giấy mượn tiền nào cho bà L. Tuy nhiên, Toà án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai có thông báo số 308/TB-TA ngày 14/8/2025 thông báo về việc giải thích, hướng dẫn yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký nhưng bà B không có yêu cầu gì về việc trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Đồng thời, bà B không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án để chứng minh cho lời khai của mình là đúng như theo quy định tại khoản 2 điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó không có căn cứ để Toà án chấp sự phản đối của bà B.

[2.3] Về lãi suất: Bà Tôn Thị L và ông Lê Văn T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Thị L, buộc bà B phải trả cho bà L, ông T số tiền còn lại là 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát khu vực 6 – Gia Lai tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho bà Tôn Thị L và ông Lê Văn T số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

- Hoàn trả lại cho bà Tôn Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp 807.500 đồng theo biên lai thu số 0002952 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Gia Lai).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV 6, tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Các bên đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSPA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên

